

CHỈ SỐ CÔNG TƠ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K5
Tháng 9/2015

STT	Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	2 Lào	6.641	6.841	200	1.965	392.920	
2	102	4 Lào	6.318	6.504	186	1.965	365.416	
3	103	4 Lào	9.012	9.375	363	1.965	713.150	
4	104	8	4.284	4.364	80	1.965	157.168	
5	105	Phòng trực	4.541	4.642		1.965	0	
6	106	8	4.173	4.331	158	1.965	310.407	
7	107	P SHC	1.857	1.895		1.965	0	
8	108					1.965	0	
9	109	8	5.355	5.477	122	1.965	239.681	
10	110	8	4.620	4.720	100	1.965	196.460	
11	111	8	4.652	4.695	43	1.965	84.478	
12	112	8	4.191	4.331	140	1.965	275.044	
13	113	8	2.253	2.457	204	1.965	400.778	
14	114	8	3.135	3.230	95	1.965	186.637	
15	201	8	4.879	4.989	110	1.965	216.106	
16	202	8	6.943	7.056	113	1.965	222.000	
17	203	8	5.687	5.824	137	1.965	269.150	
18	204	8	6.537	6.686	149	1.965	292.725	
19	205	6	4.573	4.614	41	1.965	80.549	
20	206	8	5.636	5.723	87	1.965	170.920	
21	207	8	3.690	3.767	77	1.965	151.274	
22	208	8	5.131	5.235	104	1.965	204.318	
23	209	8	4.699	4.721	22	1.965	43.221	
24	210	8	4.313	4.378	65	1.965	127.699	
25	211	6	6.807	6.890	83	1.965	163.062	
26	212	8	4.763	4.882	119	1.965	233.787	
27	213	8	6.306	6.353	47	1.965	92.336	
28	214	8	6.782	6.938	156	1.965	306.478	
29	301	8	4.982	5.071	89	1.965	174.849	
30	302	8	6.636	6.792	156	1.965	306.478	
31	303	5	4.309	4.423	114	1.965	223.964	
32	304	8	4.032	4.114	82	1.965	161.097	
33	305	8	5.401	5.490	89	1.965	174.849	
34	306	8	7.687	7.857	170	1.965	333.982	

35	307		P SHC	1.018	1.046		1.965	0
36	308						1.965	0
37	309	8		4.452	4.655	203	1.965	398.814
38	310	8		4.443	4.562	119	1.965	233.787
39	311	8		4.860	4.937	77	1.965	151.274
40	312	8		3.525	3.681	156	1.965	306.478
41	313	8		3.557	3.683	126	1.965	247.540
42	314	8		3.937	4.047	110	1.965	216.106
43	401	8		6.191	6.302	111	1.965	218.071
44	402	8		5.474	5.658	184	1.965	361.486
45	403	8		3.673	3.818	145	1.965	284.867
46	404	4	Lào	4.933	4.946	13	1.965	25.540
47	405	8		4.122	4.215	93	1.965	182.708
48	406	8		6.727	6.762	35	1.965	68.761
49	407	8		4.288	4.399	111	1.965	218.071
50	408	8		6.720	6.959	239	1.965	469.539
51	409	8		3.280	3.429	149	1.965	292.725
52	410	8		5.847	5.871	24	1.965	47.150
53	411	8		3.920	3.979	59	1.965	115.911
54	412	8		4.020	4.118	98	1.965	192.531
55	413	8		4.229	4.380	151	1.965	296.655
56	414	8		3.618	3.780	162	1.965	318.265
57	501	8		1.969	2.058	89	1.965	174.849
58	502	8		3.163	3.293	130	1.965	255.398
59	503	0		5.656	5.656	0	1.965	0
60	504	8		2.052	2.141	89	1.965	174.849
61	505	8		1.839	1.902	63	1.965	123.770
62	506	8		2.026	2.113	87	1.965	170.920
63	507	8		2.445	2.543	98	1.965	192.531
64	508	8		5.502	5.554	52	1.965	102.159
65	509	8		3.545	3.620	75	1.965	147.345
66	510	8		1.521	1.547	26	1.965	51.080
67	511	8		2.745	2.911	166	1.965	326.124
68	512	8		2.962	3.105	143	1.965	280.938
69	513	8		2.421	2.512	91	1.965	178.779
70	514	8		2.027	2.131	104	1.965	204.318
	Cộng	487				7.279		14.300.323

(Bảng chữ: Mười bốn triệu ba trăm nghìn ba trăm hai mươi ba đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỔ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà